

NHỮNG CỔ NGỌC ĐẶC SẮC CHẾ TÁC DƯỚI ĐỜI VUA THIỆU TRỊ (1841 - 1847)

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN*

Năm 2010, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam biên soạn và xuất bản cuốn sách *Kim Ngọc Bảo tỳ của Hoàng đế và Vương hậu triều Nguyễn Việt Nam*¹. Suu tập ấn triện của Vương triều Nguyễn này có tới 14 ngọc tỳ quan trọng, mà trong số đó nhiều ngọc tỳ còn ghi khắc rõ ngày tháng chế tác. Nhiều câu chuyện trong sử cũ còn lưu truyền về việc người dân trong nước tìm được ngọc quý dâng lên vua, như năm 1837, có người dâng viên ngọc trắng lên vua Minh Mệnh, vua sai làm ngọc tỳ Hành tại chi tỳ. Năm Minh Mệnh thứ 20 (1839) đúng vào dịp triều đình đổi quốc hiệu là Đại Nam, lại có người dâng ngọc quý, vua liền ra lệnh cho khắc ngọc tỳ Đại Nam thiên tử chi tỳ. Năm 1844, vua Thiệu Trị nhận được từ người dân dâng lên 2 viên ngọc quý, vua rất vui mừng, liền ra lệnh khắc 2 ngọc tỳ, hoàn thành ngay trong năm ấy, là ngọc tỳ Thần hàn chi tỳ và Đại Nam Hoàng đế chi tỳ.

Đặc biệt, vào năm Thiệu Trị thứ 6 (1846) có người dâng vua một viên ngọc cực lớn, vốn là sản vật của núi ngọc huyện Hoà Điền, vùng đất Quảng Nam. Vua vô cùng mừng rỡ, liền sai quan Hữu tư đưa mài thành ngọc tỳ, một năm sau thì xong. Đó là ngọc tỳ Đại Nam thụ thiên vĩnh mệnh truyền quốc tỳ.

(Ngọc tỳ truyền quốc của nước Đại Nam, nhận mệnh lâu dài từ trời).

Những tư liệu trên đây cho ta nhận ra rằng, nguyên liệu ngọc quý đã được tìm thấy ở Việt Nam và kỹ thuật chế tác đồ ngọc do chính những nghệ nhân của ngự xưởng cung đình Huế thực hiện. Nhiều cổ ngọc phản ánh kỹ thuật tạo tác rất tinh tế và không chỉ có chất liệu ngọc mà còn thể hiện tài khéo trong sự kết hợp giữa ngọc với vàng, bạc, đồi mồi, như trên loại hình bảo kiếm, đài thờ, chậu ngọc... Đáng chú ý hơn, trong sưu tập bảo vật triều Nguyễn còn có những cổ ngọc đặc biệt, chế tác dưới đời vua Thiệu Trị (1841 - 1847). Đó là những chiếc nghiên ngọc có khắc ghi thơ ngự chế của nhà vua và các bộ đồ trà bằng ngọc có khắc minh văn Thiệu - Trị - niên - tạo (chế tạo trong khoảng đời vua Thiệu Trị, 1841-1847).

1- Những chiếc nghiên ngọc đề thơ vua Thiệu Trị

Thiệu Trị là vị vua thứ ba triều Nguyễn, có biệt nhãn đối với văn học. Sau khi băng hà (1848), vua Tự Đức đã tổng kết trong bài văn bia: "Xương lãng Thánh Đức thần công bi", tại lăng Thiệu Trị (Thừa Thiên - Huế), tạm dịch một đoạn như sau:

"Vua đã làm ra hai tập văn, bốn tập thơ, lại làm các tập Ngự đề Đồ hội, Sử luận,

* Bảo tàng Lịch sử Việt Nam

Hoàng Huân, Bắc Tuấn, Vũ Công, Cổ kim thể cách, Tài thành phụ tướng, Lịch đại đế vương. Không ngoài sáu, bảy năm mà viết thành 14 bộ sách lại còn *Chỉ Thiện Đường thi văn Hội tập* viết xong khi ở Tiềm đế (khi chưa lên ngôi) gồm 16 quyển².

Thơ vua làm đều mang những nội dung cao thượng, phản ánh đúng phong cách và tư duy của một bậc đế vương thâm nhuần triết lý nho học, luôn luôn nghĩ đến dân, đến nước. Trong tờ dụ ban hành vào tháng 7 - 1846, vua đã nói rằng: "Các bài thơ đều do trăm nhân bưng nghĩ đến thì tả ra sự việc, cầm đến bút là xong thơ, trong đó đều là những lời nhắc nhở khuyên răn, cung kính cố gắng, thực muốn từ nhà rồi đến nước, cả quan và dân, vừa dạy vừa làm, mong cho nước được thịnh trị"³.

Vua là người làm thơ nhanh, với xúc cảm mạnh về quê hương, đất nước, con người Việt Nam. Chỉ tính riêng trong chuyến Bắc tuần năm 1842, vua đã làm 173 bài thơ. Theo tài liệu thống kê qua 10 tác phẩm còn để lại của vua Thiệu Trị cho thấy, vua đã làm khoảng 4000 bài thơ, đủ các thể loại và hàng trăm bài văn xuôi, dài, ngắn khác nhau.

Trong số đó, nổi tiếng nhất là hai bài thơ chữ Hán có tên là Vũ trung sơn thủy (Cảnh trong mưa) và Phước Viên văn hội lương dạ mạn ngâm (Đêm thơ ở Phước Viên). Cả hai bài này không trình bày theo lối thông thường mà viết thành năm vòng tròn đồng tâm, mỗi vòng có một số chữ, đếm mỗi bài có 56 chữ (8 dòng 7 chữ), ứng với một bài thơ thất ngôn bát cú, nhìn vào như một "trận đồ bát quái", vua có chỉ dẫn cách đọc và đó là kiếm ra 64 bài thơ trong đó nhưng tới nay chưa ai tìm ra được⁴.

Trên đĩa sứ hoa lam thuộc dòng đồ sứ kỹ kiểu của triều Nguyễn có vẽ toàn cảnh chùa Thánh Duyên ở núi Thủy Vân (Thừa Thiên - Huế) kèm theo bốn câu thơ trích trong bài "Vân sơn thắng tích" của vua Thiệu Trị, được những người chơi cổ ngoạn rất quan tâm⁵. Trong sưu tập đồ ngọc của vương triều Nguyễn, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam còn một nhóm những nghiên mài

mực Nho, hay mài son của các hoàng đế triều Nguyễn. Chất liệu ngọc dùng chế tác nghiên là ngọc xanh ghi, ngọc trắng, ngọc trắng điểm vân xanh. Đặc biệt, trong nhóm nghiên ngọc này có bốn chiếc mang niên hiệu chế tạo dưới đời vua Thiệu Trị và đều có khắc Ngự chế thi của ông.

Chiếc thứ nhất: nghiên ngọc màu xanh ghi, được đặt trong một chiếc hộp kim loại hình khối hộp chữ nhật, có bốn chân thấp. Trên bốn mặt xung quanh hộp khắc hoa chanh và bồ ô khắc sóng nước, cỏ rong, chòm sao thất tinh. Mặt nắp hộp có ô chữ nhật, viền hồi văn chữ T, bên trong ô khắc sáu dòng chữ Hán, từ phải sang trái: dòng một đến dòng bốn là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt, gồm 4 dòng x 14 chữ, dòng 5: Thiệu Trị nguyên niên Tân Sửu cát nguyệt nhật cung thuyên, nghĩa là: Cung kính khắc ngày tháng lành năm Tân Sửu, năm đầu niên hiệu Thiệu Trị - 1841. Dòng 6: Ngự chế châu nghiên thi nhất thủ (một bài thơ ngự chế về nghiên mài son của vua), trên mặt nghiên ngọc khắc ô đựng mực hình bông hoa bốn cánh, xung quanh khắc hai hình rồng năm móng, châu viên châu ngọc.

Chiếc thứ hai: có vỏ hộp tương đồng với chiếc nghiên trên và hoa văn khắc xung quanh. Trên mặt nắp hộp, bên trong ô chữ nhật, viền hồi văn chữ T cũng khắc sáu dòng chữ Hán, từ phải sang trái: Dòng một đến dòng bốn là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt gồm 4 dòng x 14 chữ. Dòng 5: Thiệu Trị lục niên Bính Ngọ cát nguyệt nhật cung thuyên. (Nghĩa là: Cung kính khắc ngày lành năm Bính Ngọ, năm Thiệu Trị thứ 6 - 1846. Dòng 6: Ngự chế mặc nghiên thi nhất thủ (Một bài thơ ngự chế về nghiên mài mực nho của vua). Đặt trong hộp là nghiên ngọc màu xanh ghi. Trên mặt nghiên khắc ô đựng mực hình bông hoa bốn cánh, xung quanh khắc hai hình rồng châu viên ngọc châu trên nền mây.

Chiếc thứ ba: nghiên không có vỏ hộp kim loại nhưng tạo hình khối chữ nhật, với hai nửa lắp khớp lại (còn gọi là loại nghiên hộp). Cả hai nửa cùng tạo bằng loại ngọc trắng xám. Trên mặt nắp nghiên, khắc và

thếp vàng sáu dòng chữ Hán. Từ phải sang trái, dòng một đến dòng bốn là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt gồm 4 dòng x 14 chữ. Dòng 5: Hữu mặc nghiêng, Thiệu Trị thất niên cung thuyên (Cung kính khắc năm Thiệu Trị thứ 7-1847. Nghiên ngọc mài mực Nho). Dòng 6: Ngự chế thi (Thơ ngự chế). Trên mặt nghiêng khắc ô đựng mực hình bông hoa bốn cánh, xung quanh là cành hoa lá Phật thủ.

Chiếc thứ tư: nghiên chế tạo cùng khuôn khổ kích thước với chiếc nghiên trên. Điểm khác là bài ngự chế và dòng 5: (Cung kính khắc năm Thiệu Trị thứ 7 - 1847. Nghiên ngọc mài sơn). Trên mặt nghiêng khắc ô đựng mực hình bông hoa bốn cánh, xung quanh là cành hoa lá quả đào và hình con dơi ở góc theo đề tài Phúc - Thọ.

Bốn chiếc nghiên ngọc trên đây vô cùng độc đáo và hiếm quý, vì đây là đồ ngự dụng duy nhất được biết thuộc về vua Thiệu Trị, vua - thi sĩ. Và, không chỉ xuất hiện trên đồ sứ ký kiểu, chúng ta còn được biết bốn bài Ngự chế thi của vua đã lưu lại trên nghiên ngọc quý với thời gian cụ thể vào các năm 1841, 1846 và 1847⁶.

Không biết có bao nhiêu bài thơ, bài văn của vua Thiệu Trị đã ra đời từ những chiếc "mặc nghiêng", "châu nghiêng" quý hiếm này?

2- Những bộ đồ trà bằng ngọc của vua Thiệu Trị

Trong nhóm cổ ngọc cung đình Huế, có nhiều bộ đồ trà, gồm ấm ngọc có nắp, chén tổng, chén quân, đĩa dầm, đĩa bàn, được tạo hình và trang trí với kỹ thuật tinh xảo. Chất liệu ngọc dùng để tạo tác các bộ đồ trà này thường thấy là ngọc màu xanh celadon, trắng sáng, trắng xanh. Ấm ngọc, cũng có khi dùng đựng rượu quý nên không có loại chén đi kèm. Chẳng hạn, ấm ngọc xanh celadon có nắp, tạo hình quả lê, vòi hình chim phượng, xung quanh thân chạm khắc nổi hoa lá sen. Lại có chiếc ấm ngọc trắng xám có nắp, quai tạo hình rồng, thân chia múi nổi, xung quanh thân chạm nổi cành hoa mai. Ấm ngọc màu trắng xám có nắp, viền miệng bịt vàng. Nắp ấm có chòm hình cầu, xung quanh chạm nổi băng cánh sen, mây và băng văn như ý (còn gọi là lá đề

hoặc vân kiên). Xung quanh ấm, ngoài ba băng văn như ý còn khắc hai hình chim phượng trong hai ô chữ nhật. Đi kèm với ấm ngọc này còn thấy một đĩa dầm, một chén tổng và hai chén quân. Cả đĩa và ba chiếc chén đều có viền miệng bịt vàng, trang trí hình chim phượng trong ô tròn và băng văn như ý...

Những đồ ngọc trên đây tuy không có căn cứ xác định niên đại tuyệt đối nhưng qua so sánh kiểu dáng, trang trí và nguồn gốc nằm trong bộ sưu tập cung đình Huế, có thể xác định chúng thuộc thời Nguyễn, thế kỷ XIX.

Song, điều đặc biệt đáng chú ý hơn là trong sưu tập cung đình Huế còn có những bộ đồ trà bằng ngọc của vua Thiệu Trị. Sở dĩ khẳng định được chắc chắn như vậy, vì trên tất cả các món đồ đều có đặc điểm trang trí giống nhau và mình văn khắc trên nắp, xung quanh thân ấm, chén hoặc trong lòng đĩa đều là Thiệu - Trị - niên - tạo. Bộ đồ trà này có thể xem là hoàn hảo nhất trong các bộ đồ trà bằng ngọc hiện biết của sưu tập. Chất liệu ngọc để chế tác bộ đồ trà này là ngọc trắng xanh. Tất cả các món đều có miệng bịt vàng.

Cũng tương tự như trên, các bộ đồ trà bằng sứ hoa lam đặt làm tại Trung Quốc, ở đây cũng có các bộ đồ trà tạo bằng ngọc trắng xanh với một chén tổng, hai chén quân hay một chén tổng, ba chén quân cùng với ấm và đĩa. Các hoa văn chạm khắc trên bộ ấm chén đĩa này gồm các băng văn như ý và viên long (hình rồng mây trong vòng tròn), chẳng những tương tự trên đồ trà sứ hoa lam mà còn hoàn toàn giống nhau cả về cấu trúc sắp xếp các băng hoa văn và bốn chữ Thiệu - Trị - niên - tạo. Điểm khác biệt với đồ sứ là trên những đồ ngọc này chỉ thấy dùng chữ tạo mà không dùng chữ chế⁷...

Ấm ngọc thuộc bộ đồ trà này có hai chiếc. Chiếc ấm ngọc thứ nhất có nắp, cao 10,5cm; đường kính miệng 5,3cm. Nút nắp hình búp sen, viền miệng bịt vàng. Xung quanh nắp chạm hai băng văn như ý, xen kẽ khắc 4 chữ Hán Thiệu - Trị - niên - tạo. Ấm tạo dáng quả dưa, miệng đứng, vai phình,

thân nở đều, không chân đế. Quai và vòi ám rất cân xứng. Viên miệng và vòi ám cũng bịt vàng. Trên vai và giáp chân ám khắc nổi hai băng văn như ý. Xung quanh thân ám chạm bốn hình viên long. Mỗi hình viên long đều thể hiện giống nhau, cùng kích thước, với mặt rồng mô tả theo góc chính diện, thân uốn trong mây. Ô tròn bao quanh hai đường chỉ nổi. Rồng có đuôi xoáy nằm ở phía trái trên đường kính của ô tròn bằng văn như ý, trên vai ám thể hiện theo hình lá đề cân xứng với đầu nhọn quay xuống, ngược lại với băng văn như ý ở giáp chân.

Chiếc ám ngọc thứ hai có nắp. Chòm nắp hình búp sen, viên miệng bịt vàng. Ám tạo dáng hình quả cam, gờ miệng đứng, viên bịt vàng, thân phình đều, chân đế cao. Ám có chiều cao 7,2cm (gồm cả nắp); đường kính miệng 3,8cm. Quai ám hình khuyên có máu ở hai phía. Vòi ám hơi cong nhưng rất cân xứng với quai. Nắp ám khắc nổi hai băng văn như ý, bốn hình viên long, xen kẽ bốn chữ Hán, đọc vòng theo chiều kim đồng hồ: Thiệu - Trị - niên - tạo. Trên vai và giáp chân ám khắc nổi hai băng văn như ý. Xung quanh thân ám khắc nổi bốn hình viên long, xen kẽ bốn chữ, cũng đọc vòng theo chiều kim đồng hồ: Thiệu - Trị - niên - tạo. Mỗi hình viên long này được đặt trong một vòng tròn có gờ bao nổi.

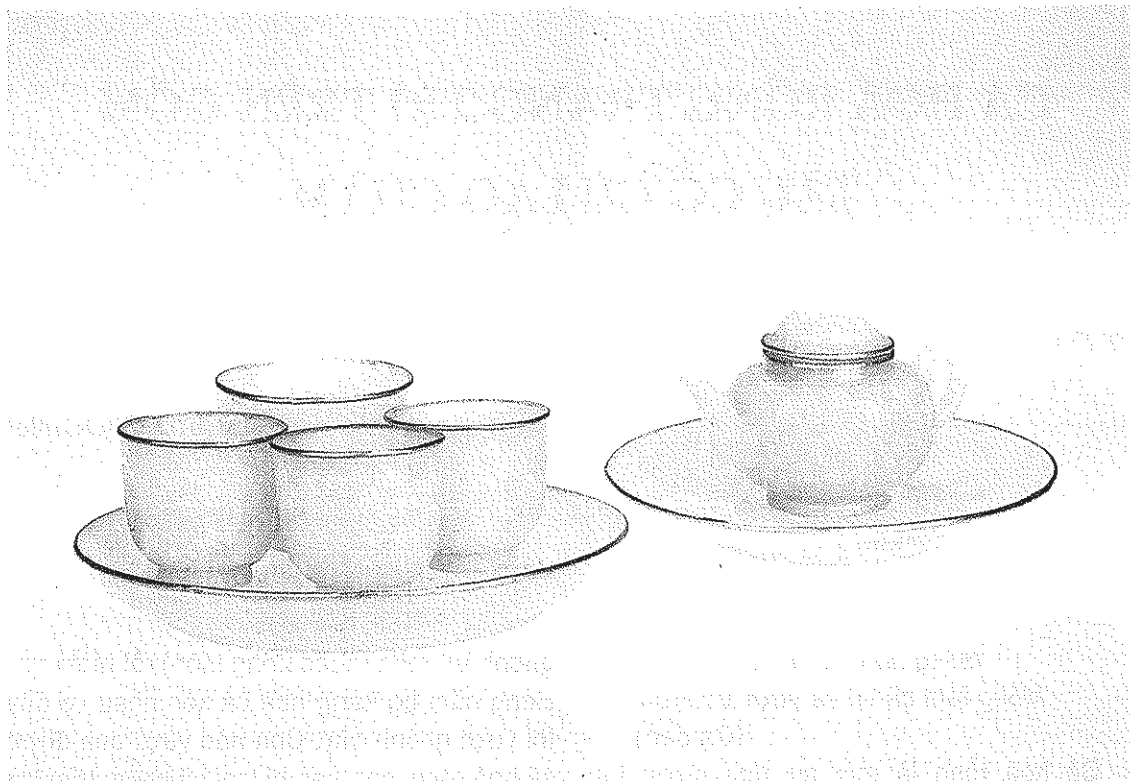
Bộ chén có bốn chiếc gồm có một chén tổng và ba chén quân, viên miệng đều bịt vàng. Chén tổng là cách gọi của người Huế, chỉ loại chén lớn trong bộ đồ trà, cao 4,8cm; đường kính miệng 5,6cm. Ba chiếc chén quân cũng có kiểu dáng như chén tổng, có kích thước bằng nhau, cao 4,2cm; đường kính miệng 3,6cm. Tuy kích thước khác nhau nhưng trang trí trên bốn chiếc chén đều giống nhau, với hai băng văn như ý ở giáp vành miệng và chân đế, khoảng giữa là bốn hình viên long xen kẽ bốn chữ Hán, đọc theo chiều kim đồng hồ Thiệu - Trị - niên - tạo.

Ngoài hai chiếc ám và bốn chiếc chén còn có một đĩa dầm và một đĩa bàn. Đĩa dầm có viên bịt vàng, nông lòng, chân thấp, cao 2cm; đường kính miệng 12,6cm. Trong lòng đĩa, giáp vành miệng chạm băng văn như ý, bốn hình rồng trong hình ô van bao

quanh một hình rồng trong ô tròn ở chính giữa. Bốn chữ Thiệu - Trị - niên - tạo được khắc theo kiểu đọc chéo, từ trên xuống dưới, từ phải qua trái. Đĩa bàn dùng để đặt bốn chiếc chén, có lòng phẳng, thành vát, cao 2,4cm; đường kính miệng 15,6cm. Giáp vành miệng đĩa khắc băng văn như ý. Trong lòng khắc năm hình rồng mây trong một ô tròn lớn ở giữa và bốn ô tròn nhỏ hơn bằng nhau ở xung quanh. Xen giữa bốn ô tròn nhỏ khắc bốn chữ Thiệu - Trị - niên - tạo, theo cách đọc chéo. (chữ Thiệu khắc ở phía trên đầu rồng của ô chính giữa).

Hai bộ tách có nắp và đĩa được chế tác bằng loại ngọc trắng xám. Cả hai bộ tách có nắp này đều được tạo tác tương tự về kích thước, kiểu dáng, hoa văn, cũng như bốn chữ khắc Thiệu - Trị - niên - tạo ở trên nắp và xung quanh thân. Tách có chiều cao 10,3cm (cả nắp); đường kính miệng 8,5cm. Đĩa có chiều cao 2,4cm và 2,5cm; đường kính miệng 13,5cm và 14,7cm, nắp có hình chòm cầu, núm cầm tạo hình búp sen, viên bịt vàng. Xung quanh nắp khắc hai băng văn như ý và bốn hình viên long. Tách là tên gọi loại chén có tay cầm hình khuyên. Ở đây, tách được tạo dáng với miệng đứng, thành cong, chân đế choãi. Giáp vành miệng và chân cũng khắc hai băng văn như ý. Xung quanh thân khắc bốn hình viên long, xen kẽ bốn chữ Thiệu - Trị - niên - tạo, đọc theo chiều kim đồng hồ. Tách đặt trên đĩa tròn, viên miệng đĩa bịt vàng. Trong lòng đĩa cũng khắc hai băng văn như ý và năm hình viên long, xen kẽ bốn chữ Thiệu - Trị - niên - tạo theo thể thức như loại đĩa trên.

Những bộ đồ trà bằng ngọc trên đây là loại ngọc trắng xanh, trắng xám tương tự nhau. Các núm nắp ám hay tách đều chạm hình búp sen theo lối tả thực. Trên tất cả các đơn nguyên của bộ đồ trà, cấu trúc trang trí đều thống nhất là mô típ viên long, đều được đặt trong khoảng giữa hai băng văn như ý. Viên long thường gặp là hình rồng mây trong ô tròn với đầu rồng mô tả theo thể nhìn chính diện, cân đối, đuôi rồng xoáy, đều xếp ở phía bên trái của mỗi ô. Ngoài kiểu viên long trong ô tròn còn có loại rồng trong hình ô van.



Đồ ngọc thời Thiệu Trị - Ảnh: Tác giả

Các cụm bốn chữ Thiệu - Trị - niên - tạo được sắp xếp thuận chiều kim đồng hồ hoặc đọc chéo, tương tự như cách đọc bốn chữ trên loại tiền đồng cổ, hình tròn lỗ vuông. Bộ đồ trà ngọc này khi chế tác hẳn đã được lựa chọn từ những khối ngọc có kích thước khá lớn để có thể tạo ra chiếc ấm ngọc có quai và vòi liền với thân. Điều này thể hiện rõ sự vượt trội khác biệt so với việc tạo hình trên đồ trà làm bằng gốm sứ, người ta thường phải chế riêng quai, vòi, rồi sau đó ghép lại. Những mô típ hoa văn rồng phượng trên những nghiên ngọc và trên các bộ đồ trà này chứng minh rằng đây là những đại diện đỉnh cao của nghệ thuật tạo tác đồ ngọc trong cung đình Huế.

Bộ sưu tập cổ ngọc thời Nguyễn mà tiêu biểu là các món cổ ngọc tạo tác dưới đời vua Thiệu Trị này chẳng những phản ánh trình độ kỹ thuật tuyệt mỹ trong số các ngành nghề thủ công truyền thống Việt Nam mà còn thể hiện giá trị độc đáo và hiếm quý, gắn với lịch sử Vương triều Nguyễn trong

lịch sử Việt Nam./.

N.D.C

Chú thích:

- 1- Nguyễn Đình Chiến, Phạm Quốc Quân, Nguyễn Công Việt (2010), *Kim Ngọc Bảo tỳ của Hoàng đế và Vương hậu triều Nguyễn Việt Nam*, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam xuất bản, tr. 35 - 38.
- 2- Phan Thuận An, Phạm Đức Thành Dũng, Phan Thanh Thảo, Nguyễn Phước Hải Trung (1997), *Thần kinh nhị thập cảnh, thơ vua Thiệu Trị*, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 32.
- 3- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Bản dịch của Viện Sử học (1970 - 1972), Nxb. Khoa học xã hội, tập XXVI, tr. 88.
- 4- Wikipedia tiếng Việt: Thiệu Trị.
- 5- Trần Đình Sơn (2009), *Thường ngoạn đồ sứ kỷ kiểu thời Nguyễn (1802 - 1945)*, Nxb. Văn nghệ, tr. 156 - 159.
- 6- Về nội dung bốn bài thơ ngự chế này còn đang được nghiên cứu và chúng tôi sẽ trình bày trong một dịp khác.
- 7- Trần Đình Sơn (2009), *Sổđ*, tr. 30 - 31; 80 - 83; 121 - 127.